

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG
Số: 70/2015/TT-BTNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định kỹ thuật đối với hoạt động của các trạm khí tượng thủy văn tự động

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn ngày 02 tháng 12 năm 1994;

Căn cứ Nghị định số 24/CP ngày 19 tháng 3 năm 1997 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia, Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Quy định kỹ thuật đối với hoạt động của các trạm khí tượng thủy văn tự động.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này “Quy định kỹ thuật đối với hoạt động của các trạm khí tượng thủy văn tự động”.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2016.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Linh Ngọc

QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TRẠM KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỰ ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 70/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 12 năm 2015

của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Thông tư này quy định về quy định kỹ thuật đối với hoạt động của các trạm khí tượng thủy văn tự động. Trạm khí tượng thủy văn tự động bao gồm các trạm: khí tượng, thủy văn, đo mưa, bức xạ, hải văn và môi trường không khí tự động.
- Thông tư này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân sử dụng trạm khí tượng thủy văn tự động.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Trạm khí tượng thủy văn tự động là: hệ thống thiết bị được lắp đặt tại các trạm khí tượng thủy văn thực hiện đo đạc, thu thập và truyền số liệu khí tượng thủy văn tự động;
- Bộ cảm biến đo là: phần tử thiết bị hoặc bộ phận của phương tiện đo;
- Kiểm định thiết bị đo khí tượng thủy văn tự động là: hoạt động đánh giá, xác nhận đặc tính kỹ thuật của phương tiện đo theo yêu cầu kỹ thuật đo lường;
- Hiệu chuẩn thiết bị đo khí tượng thủy văn tự động là: hoạt động xác định, thiết lập mối quan hệ giữa giá trị đo của chuẩn đo lường, phương tiện đo với giá trị đo của đại

lượng cần đo;

5. Kiểm tra hoạt động của các trạm khí tượng thủy văn tự động là: tập hợp các công việc nhằm xác định tình trạng hoạt động của hệ thống đo trong điều kiện kỹ thuật quy định;

6. Bảo dưỡng thiết bị đo khí tượng thủy văn tự động là: các hoạt động được tiến hành thường xuyên, định kỳ để duy trì thiết bị ở trạng thái sử dụng bình thường;

7. Bảo quản thiết bị đo khí tượng thủy văn tự động là: công tác cất giữ các vật tư linh kiện và thiết bị dự phòng, đảm bảo duy trì ở trạng thái tốt nhất không bị hư hỏng.

Điều 3. Điều kiện hoạt động của trạm, điểm đo

1. Các yếu tố đo của các trạm, điểm đo được quy định trên cơ sở mục đích, nhu cầu về số liệu và phù hợp với điều kiện thực tế (chi tiết tại Phụ lục 1 của Thông tư này).

2. Các thông số kỹ thuật của thiết bị đo (chi tiết tại Phụ lục 2 của Thông tư này).

3. Thiết bị đo trước khi đưa vào sử dụng phải được kiểm định/hiệu chuẩn ban đầu; trong quá trình sử dụng phải thực hiện kiểm định/hiệu chuẩn; sau khi sửa chữa, để đưa trở lại hoạt động phải thực hiện kiểm tra/hiệu chuẩn.

4. Đối với thiết bị đo chưa có điều kiện kiểm định hoặc các thiết bị đo chủng loại mới chưa đưa vào mạng lưới trạm khí tượng thủy văn hoạt động phải có hồ sơ nguồn gốc xuất xứ, đặc tính kỹ thuật phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật hiện hành; trước khi đưa vào hoạt động phải thử nghiệm, kiểm tra, so sánh và được cơ quan có thẩm quyền xem xét, đánh giá và quyết định.

5. Thiết bị đo phải có tài liệu kỹ thuật, phần mềm của hãng sản xuất; hướng dẫn bảo dưỡng, vận hành và khai thác bằng tiếng Việt.

6. Các trạm khí tượng thủy văn tự động phải có hồ sơ để quản lý.

Chương II

QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

Điều 4. Vị trí trạm, điểm đo

1. Đối với trạm khí tượng tự động và bức xạ tự động phải thông thoáng, không bị các vật cản che khuất, đại diện cho điều kiện tự nhiên của khu vực đặt trạm.

2. Đối với điểm đo mưa tự động phải thông thoáng, không bị các vật cản che khuất làm ảnh hưởng đến kết quả đo.

3. Đối với trạm thủy văn tự động

a) Vị trí đo mực nước phải đảm bảo:

- Đo được mực nước cao nhất, thấp nhất;
- Lòng sông tương đối ổn định (ít bồi, xói);
- Không bị ảnh hưởng của ghềnh, thác, cây cối hoặc các chướng ngại vật khác.

b) Vị trí đo lưu lượng nước phải đảm bảo:

- Không có hiện tượng nước chảy quẩn và không bị ảnh hưởng nước vật;
- Mặt cắt ngang tuyến đo dòng chảy bảo đảm đo được dòng chảy trong sông từ mực nước thấp nhất đến mực nước lũ lớn nhất đã xảy ra;
- Đoạn sông phải thẳng và có độ dài tối thiểu bằng 3 lần độ rộng mặt nước ứng với mực nước trung bình;
- Lòng sông không có hoặc ít chướng ngại vật;
- Bờ sông ổn định; đoạn sông không có bãi tràn hoặc có bãi tràn nhỏ nhất; không có xuất, nhập lưu.

4. Đối với trạm hải văn tự động

a) Vị trí trạm được đặt tại khu vực biển thoáng, đảm bảo điều kiện tự nhiên, không bị che khuất theo các hướng.

b) Vị trí trạm tiêu biểu cho một khu vực hoặc một vùng biển về các đặc trưng khí tượng, hải văn.

5. Đối với trạm môi trường không khí tự động phải đảm bảo thông thoáng và đại diện cho chất lượng môi trường, thành phần khí quyển của khu vực đó.

Điều 5. Lắp đặt thiết bị

Khi lắp đặt cần tuân thủ đúng tài liệu hướng dẫn kỹ thuật đối với từng loại thiết bị đo.

1. Đối với các trạm khí tượng

a) Bộ cảm biến đo hướng và tốc độ gió được lắp đặt ở độ cao từ 10 m đến 12 m so với mặt đất, hướng Bắc của máy phải đúng với hướng Bắc thực.

- b) Các bộ cảm biến đo nhiệt độ, độ ẩm không khí được lắp đặt ở độ cao 1,5 m so với mặt đất, đảm bảo thông thoáng và tránh ánh nắng mặt trời chiếu trực tiếp.
- c) Bộ cảm biến đo mưa được lắp đặt ở độ cao cách mặt đất hoặc mặt nền lắp thiết bị từ 1,5 m trở lên và miệng thùng hứng nước mưa phải ngang bằng.
- d) Bộ cảm biến đo thời gian nắng được lắp đặt ở độ cao $\geq 1,5$ m so với mặt đất, trực bộ cảm ứng đúng hướng Bắc Nam, đảm bảo ngang bằng, đúng vĩ độ địa phương.
- đ) Bộ cảm biến đo bốc hơi được lắp đặt ở độ cao 27 cm so với mặt đất và miệng thùng phải ngang bằng.
- e) Bộ cảm biến đo áp suất khí quyển được lắp đặt ở độ cao $\geq 1,5$ m so với mặt đất. Vị trí bộ cảm biến đo áp suất khí quyển phải được dẫn độ cao tuyệt đối quốc gia.
- g) Bộ cảm biến đo nhiệt độ mặt đất được đặt trên bề mặt đất; bộ cảm biến đo nhiệt độ các lớp đất sâu được đặt theo các độ sâu cần đo tương ứng.

2. Đối với các điểm đo mưa

Bộ cảm biến đo lượng mưa được lắp đặt chắc chắn ở độ cao $\geq 1,5$ m so với mặt đất hoặc mặt nền và miệng thùng hứng nước mưa phải ngang bằng.

3. Đối với các trạm bức xạ

Các bộ cảm biến đo bức xạ được lắp đặt ngang bằng ở độ cao $\geq 1,2$ m so với mặt đất. Riêng thiết bị đo bức xạ phản chiếu sóng ngắn, sóng dài phải lắp đặt ở độ cao từ 1,2 m đến 1,5 m.

4. Đối với các trạm thủy văn

a) Bộ cảm biến đo mực nước:

- Đối với bộ cảm biến đo không tiếp xúc với nước: bộ cảm biến đo phải được gắn cố định tại một vị trí cao hơn mực nước cao nhất đã xuất hiện tối thiểu 1 m;
- Đối với bộ cảm biến đo tiếp xúc với nước: bộ cảm biến đo phải thấp hơn mực nước thấp nhất đã xuất hiện tối thiểu 20 cm;
- Vị trí đo mực nước phải được dẫn độ cao tuyệt đối quốc gia.

b) Bộ cảm biến đo lưu lượng nước:

- Đối với bộ cảm biến đo tiếp xúc với nước phải được lắp đặt chắc chắn trên tàu, thuyền, ca nô hoặc công trình bảo đảm quan trắc được lưu lượng nước của toàn bộ